**TUẦN 27**

Tiếng Việt ( Tăng)

**Ôn tập: Câu kể, câu cảm, câu khiến**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kĩ năng nhận biết câu kể, câu cảm và câu khiến.

-Vận dụng đặt câu theo yêu cầu.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, tự tìm kiếm thông tin để làm bài luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng viết làm linh hoạt, sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi với bạn.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học, rèn tính cẩn thận.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Cho lớp hát và vận động theo bài hát  - GV nhận xét, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành**  **HĐ1. Khởi động**  - GV yêu cầu HS -> chia sẻ ý kiến với bạn cùng bàn.  - GV cho HS đọc từng ý kiến  *=> Câu “Câu chuyện hay quá!”thuộc kiểu câu nào dưới đây?Chọn ý đúng*  *a) Câu khiến (để nêu đề nghị).*  *b) Câu cảm (để bày tỏ cảm xúc).*  *c) Câu kể(để kể, tả, giới thiệu)*  -Nêu đặc điểm câu kể? Câu cảm? Câu khiến?  => Chốt: Câu khiến được dùng để đề nghị hoặc yêu cầu; câu cảm được dùng để khen, chê hoặc thể hiện cảm xúc; câu kể dùng để kể, tả, giới thiệu.  **HĐ2.Luyệntập**  Bài 1: Tìm **câu kể Ai làm gì**? trong đoạn văn sau: *Bàn tay mền mại của Tấm rắc đều những hạt cơm quanh bống. Tấm ngắm nhìn bống. Tấm nhúng bàn tay xuống nước vuốt nhẹ hai bên lườn của cá. Cá đứng im trong tay chị Tấm.*  => Chốt: câu kể Ai làm gì? kể dùng để kể về hoạt động của sự vật.Cuối câu dùng dấu chấm.  Bài 2: Các câu dưới đây thuộc kiểu câu gì? *a) Cánh diều bay cao. b) Gió hãy thổi mạnh đi nào! c) A,mùa xuân đã về!*  => Chốt: câu kể Ai thế nào? kể dùng để tả đặc điểm trạng thái của sự vật. Câu khiến được dùng để đề nghị hoặc yêu cầu; câu cảm được dùng để khen, chê hoặc thể hiện cảm xúc  *Bài 3:* Hãy chuyển câu “Cánh diều bay cao.” thành câu khiến, câu cảm.  => Chốt: Câu khiến được dùng để đề nghị hoặc yêu cầu; câu cảm được dùng để khen, chê hoặc thể hiện cảm xúc; câu kể dùng để kể, tả, giới thiệu.  **HĐ3.Vận dụng:**  + Cho HS quan sát tranh 1 số hoạt động trong giờ ra chơi.    +Dùng câu kể(hoặc câu khiến, câu cảm) để một số hoạt động, sự vật trong tranh.  - Nhắc nhở các em không nên chơi những trò chơi dễ gây nguy hiểm như bắn súng cao su, đánh quay, ném nhau,... Đồng thời cần lựa chọn địa điểm chơi an toàn.  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | **-**HS hát bài: Vui đến trường  -HS nêu ý kiến.  - HS đọc từng ý kiến  -Chọn ý b  -HS nêu: Câu khiến được dùng để đề nghị hoặc yêu cầu; câu cảm được dùng để khen, chê hoặc thể hiện cảm xúc; câu *kể dùng để kể, tả, giới thiệu.*  **-**HS đọc đề. Nêu YC. HS làm việc theo nhóm đôi.  -Nêu kết quả: 4 câu trong đoạn văn đều là câu kể Ai làm gì?  **-**HS đọc đề. Nêu YC. HS làm việc theo nhóm đôi.  a, câu kể Ai thế nào?  b,câu khiến  c, câu cảm  -HS nêu yêu cầu.  -> HS làm việc cá nhân.  VD: Cánh diều hãy bay cao lên!  Ôi, cánh diều bay cao quá!  -HS làm việc theo nhóm 4.  +Các bạn nam đá bóng.  +Ôi, bạn nam đá bóng hay quá!  +Các bạn nam đá bóng đi nào!  +Các bạn nữ đang nhảy dây.  .... |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………**

Tiếng việt(tăng)

**Ôn tập: Viết thư gửi người thân**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Bước đầu viết được bức thư có nội dung thăm hỏi người thân, thể hiện đúng bố

cục một bức thư, sử dụng từ xưng hô phù hợp. Chữ viết rõ ràng, đúng chính tả , đúng ngữ pháp.

- Thể hiện được tình cảm với người thân qua cách sử dụng từ xưng hô, lời chào , lừi chúc, lời hẹn hò, ...trong thư

**2.Năng lực chung.**

- Năng lực sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề (tự sáng tạo, viết hoàn chỉnh bức thư cho người thân).

**3. Phẩm chất.**

- Bồi dưỡng lòng nhân ái: Tình cảm với người thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Kế hoạch bài dạy

- HS: giấy viết thư, phong bì thư

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ1: Khởi động:**  - Em hãy nêu bố cục của một bức thư.  - **GV chốt về bố cục của một bức thư:**  + Địa điểm, ngày, tháng viết thư.  + Lời chào.  + Thăm hỏi người nhận thư.  + Kể về tình hình của mình.  + Lời hẹn, lời chào, kí tên.  **HĐ2: Thực hành.**  **Đề bài :** Hãy viết một bức thư cho người thân (ông, bà, cô dì, chú bác, anh chị em, ...) để hỏi thăm sức khoẻ và kể về tình hình gia đình em.  **Trao đổi về bức thư sẽ viết**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV hướng dẫn học sinh tìm ý, sắp xếp ý, viết và hoàn chỉnh bức thư bắng cách nêu lần lượt câu hỏi gợi ý :  **1. Viết về gì ?**  BT yêu cầu ta viết thư gửi ai ? Lí do viết thư để làm gì ?  **2. Tìm ý:**  Nội dung thư cần viết mấy ý, đó là những gì?  **3. Sắp xếp ý:**  - Cho HS thảo luận và báo cáo, GV ghi bảng:  - Phần đầu thư :  + Địa điểm, thời gian viết thư.  + Xưng hô với người nhận thư.  - Nội dung thư :  + Hỏi thăm người thân (về sức khoẻ, công việc, …)  + Kể tình hình gia đình cho người thân nghe (về sức khoẻ, về công việc, tình hình học tập, …)  + Lời chúc, hứa hẹn.  - Phần cuối thư :  - Lời chào, kí tên.  \* Cho HS tập nói miệng dựa vào các gợi ý.  - Y/c 1 số HS tập nói miệng, lớp lắng nghe, nhận xét về cách sắp xếp ý, dùng từ, diễn đạt câu, …  **4. Viết**  - Cho HS viết bài. Lưu ý trước khi viết thư:  + Viết theo các ý đã sắp xếp.  + Cách xưng hô với người thân phải phù hợp.  + Câu văn liền mạch. Chú ý dùng từ thể hiện được tình cảm của mình dành cho người thân.  + Thể thức trình bày một lá thư.  - Cho HS đọc bài viết. Lớp nhận xét:  + Bức thư của bạn viết đúng bố cục chưa ? Các ý sắp xếp hợp lí chưa ? Cách xưng hô và cách hỏi thăm của bạn có thể hiện được tình cảm với người thân không ? Em có sửa gì giúp bạn không ? …  **5. Hoàn chỉnh**  - HS tự chỉnh sửa lỗi (nếu có)  - Bổ sung thêm ý.  **HĐ3: Vận dụng.**  - HS vận dụng viết phong bì thư, gấp thư đã viết cho vào phong bì và dán lại. | - HS thảo luận nhóm đôi.  - 1 số HS trả lời trước lớp.  - HS đọc đề bài.  - HS xác định y/c BT.  - Viết thư cho người thân; để hỏi thăm sức khỏe người thân và kể về gia đình em.  - Cần viết 2 ý: Thăm hỏi người thân và kể về tình hình gia đình mình.  - HS thảo luận nhóm đôi để sắp xếp thứ tự các ý cho bức thư định viết.  - 2 – 3 HS tập nói miệng trước lớp.  đọc đề bài.  - HS viết bài vào vở.  - Nhiều HS đọc bài trước lớp. Lớp nhận xét.  - HS vận dụng viết phong bì thư, gấp thư, dán thư. |

***Bài tham khảo***

Thanh Hà, ngày…., tháng…. năm, …..

Ông bà yêu quý của cháu!

Lâu rồi cháu không được về quê chơi với ông bà…Hôm nay cháu viết thư hỏi thăm sức khỏe ông bà và kể về tình hình gia đình cháu cho ông bà nghe nhé.

Dạo này ông bà có khỏe không ạ ? Ông bà có phải đi làm ngoài đồng nữa không?....

Gia đình cháu vẫn bình thường ông bà ạ. Bố mẹ cháu vẫn đi làm từ sáng đến tối mới về. Còn cháu rất ngoan và chăm chỉ học bài. …Cháu hứa với ông bà sẽ chăm ngoan học giỏi. Hè này, cháu lại về quê thăm ông bà nhé.

Cháu của ông bà.

Huy

Nguyễn Văn Huy

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng việt ( tăng)

**Ôn tập: Dấu ngoặc kép, dấu hai chấm, dấu gạch ngang**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố và khắc sâu 3 dấu câu đã học: Dấu ngoặc kép, dấu hai chấm, dấu gạch ngang.

- Biết dùng dấu ngoặc kép, dấu hai chấm, dấu gạch ngang.

- Biết nói đúng lượt lời trong đối thoại để thể hiện phép lịch sự.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe và trả lời các câu hỏi.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Tài liệu và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ1. Khởi động**  - Cho lớp hát và vận động theo bài hát  - GV nhận xét, giới thiệu bài  - Y/c học sinh thảo luận nhóm đôi, nhớ và nói lại cho nhau nghe về đặc điểm của từng dấu câu.  - Gọi lần lượt HS nêu đặc điểm của dấu câu :  + Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép?  + Nêu tác dụng của dấu hai chấm?  + Nêu tác dụng của dấu gạch ngang?  -GV nhận xét chốt câu trả lời của học sinh.  *\*Chốt: Tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu hai chấm, dấu gạch ngang.mở rộng thêm lên lớp trên em sẽ được học thêm nhiều tác dụng của các loại dấu này.*  **HĐ2. Luyện tập, thực hành Bài 1: Em điền dấu hai chấm vào đâu trong đoạn trích sau?**  -GV trình chiếu nội dung bài 1, gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  Dưới tầm cánh chú chuồn chuồn bấy giờ là lũy tre xanh rì rào trong gió, là bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh. Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ, dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi…  -Tổ chức cho HS thảo luận nhóm 2  - Y/C đại diện nhóm trả lời câu hỏi.  -Y/C Nhóm khác nhận xét  *-* Nêu tác dụng dấu hai chấm ở bài tập 1?  *- GV chốt đáp án và tác dụng của dấu hai chấm.*  *+ Dấu hai chấm dùng để báo hiệu bộ phận đứng sau là phần giải thích cho bộ phận đứng trước nó.*  *+ Báo hiệu phần liệt kê các sự vật, hoạt động, đặc điểmcó liên quan.*  **Bài 2:** Tìm câu được đặt trong dấu ngoặc kép trong các đoạn văn sau và nêu tác dụng của dấu ngoặc kép.  a) Bà đi chợ về. Vào đến sân nhà, bà bỏ cái thúng xuống gọi to: “Bống ơi... ơi... Bống đâu rồi?”. Bống đang chơi với  các bạn bên hàng xóm. Nghe tiếng bà gọi, nó ù té chạy về nhà.  Nguyễn Đình Thi | - HĐCL: HS hát và vận động theo bài hát  - HS ghi tên bài  - HĐ nhóm đôi nói cho nhau nghe đặc điểm của từng mẫu câu.  - Đại diện nhóm trình bày trước lớp.  + Dấu ngoặc kép dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hay ý nghĩ của nhân vật, đánh dấu một câu được trích nguyên văn.  + Dấu ngoặc kép còn được dùng để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.  + Dấu hai chấm dùng để báo hiệu bộ phận đứng sau là phần giải thích cho bộ phận đứng trước nó.  Báo hiệu phần liệt kê các sự vật, hoạt động, đặc điểmcó liên quan.  +Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật.  HS lắng nghe  -HS đọc yêu cầu và nội dung  -HS thảo luận  - Đại diện nhóm trả lời.  -Các nhóm nhận xét.  Dưới tầm cánh chú chuồn chuồn bấy giờ là lũy tre xanh rì rào trong gió, là bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh. Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra: cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ, dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi…  *-*Báo hiệu phần liệt kê các sự vật, hoạt động, đặc điểmcó liên quan. |
| b) Kiến ở đông quá. Thành ngữ “đông như kiến" thật đúng. Đường ngang lối dọc chỗ nào cũng đầy kiến.  Theo Tô Hoài  -GV chia sẻ nội dung bài tập 2 lên màn hình, gọi HS đọc đề bài và đáp án.  - Gọi HS nêu kết quả  - Nhận xét  *\*Chốt:* *+ Dấu ngoặc kép dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hay ý nghĩ của nhân vật, đánh dấu một câu được trích nguyên văn.*  *+ Dấu ngoặc kép còn được dùng để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.* | - HS đọc đề nêu câu ở trong ngoặc kép của mỗi phần .  a) “Bống ơi... ơi... Bống đâu rồi?”.  tác dụng: dùng để dẫn lời nói trực tiếp của bà.  b) “đông như kiến"  Tác dụng: dùng để đánh dấu từ ngữ được dùng với nghĩa đặc biệt. |
| **Bài 3:** Đặt dấu gạch ngang vào chỗ phù hợp  Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi:  Cháu con ai?  Thưa ông, cháu là con ông Thư.  - Gọi HS đọc yc  - Bài yêu cầu làm gì?  - Dấu gạch ngang có tác dụng gì?  - Gọi Hs nêu cách đặt dấu gạch ngang.  - YC HS làm bài  *-* Yêu cầu HS nhận xét, chốt đáp án đúng  *\*Chốt: dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật.* | - 1 HS đọc yc bài  -Đặt dấu gạch ngang vào chỗ phù hợp  - Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật.  Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi:  -Cháu con ai?  -Thưa ông, cháu là con ông Thư. |
| **3. Vận dụng**  - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………**

**Tiếng việt(tăng)**

**Ôn tập: Từ có nghĩa trái ngược nhau**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Nhận biết được các từ có nghĩa trái ngược nhau.

- Tìm được các từ có nghĩa trái ngược nhau. Đặt được câu với một trong các từ đó.

- Rèn kĩ năng tìm, phân biệt các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau và đặt được câu.

***2. Năng lực chung***

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề, NL tư duy và lập luận.

**3. Phẩm chất**

*-* Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  - Nêu một số cặp từ có nghĩa trái ngược nhau?  - Đặt câu với một số từ em vừa tìm được?  - GV nhận xét.  - Chốt: *Từ có nghĩa trái ngược nhau là từ trái nghĩa* | - HS trả lời  - HS đặt câu. |

**2. Hoạt động thực hành**

**Bài 1**. Xếp các từ cho dưới đây thành từng cặp từ có nghĩa trái ngược nhau

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| nhớ | chăm chỉ | nhiều | cao |
| buồn | quên | lười biếng | già |
| vui | trẻ | ít | đêm |
| lạnh | thấp | ngày | nóng |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Bài yêu cầu gì?  - YC HS xếp các từ có nghĩa trái ngược nhau  - GV nhận xét.  *=> Các cặp từ trên gọi là từ trái nghĩa*  *-* YC HS đặt câu với 1 cặp từ em vừa tìm  *-GV nhận xét bổ sung*  *Chốt:* *Từ có nghĩa trái ngược nhau là từ trái nghĩa. Khi đặt câu đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm.* | - HS đọc, xác định yêu cầu đề.  - HĐ nhóm đôi nói cho nhau nghe các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau  - Đại diện nhóm trình bày trước lớp.   |  |  | | --- | --- | | nhớ - quên | chăm chỉ - lười biếng | | buồn - vui | nóng - lạnh | | già - trẻ | nhiều - ít | | thấp - cao | ngày - đêm |   - HS đọc lại các cặp từ vừa tìm.  - 2, 4 HS đặt câu, HS viết vào vở.  - HS đọc  Bà em đã già.  Mẹ em rất trẻ. |
| **Bài 2:** Tìm từ có nghĩa trái ngược nhau với mỗi từ sau:  - khen  - mềm  - hiền lành: - xinh xắn:  - Bài yêu cầu gì?  - GV chữa bài, nhận xét, đánh giá.  Chốt đáp án đúng:   |  |  | | --- | --- | | khen - chê | hiền lành - hung dữ | | mềm – cứng | xinh xắn - xấu xí |   - Củng cố các từ có nghĩa trái ngược nhau. | - Tìm từ có nghĩa trái ngược nhau với mỗi từ sau.  - HS chia nhóm 2, làm việc trên phiếu học tập.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. |
| **Bài 3:** Tìm và ghi lại cặp từ trái nghĩa trong mỗi câu sau  - Trên dưới một lòng.  - Xa gần đều hay.  - Trong ấm ngoài êm.  - Đi ngược về xuôi  - Trước sau như một.  - Lên thác xuống ghềnh.  - GV chữa bài, nhận xét  *Chốt:* *Từ có nghĩa trái ngược nhau là từ trái nghĩa*, các em cần vận dụng linh hoạt trong nói, viết cho phù hợp.  **3.HĐ nối tiếp**  - Nêu một cặp từ có nghĩa trái ngược nhau?  - Đặt câu với một số từ em vừa tìm được?  - Nhận xét tiết học. | - 1HS nêu yêu cầu.  - HS đọc các câu đã cho  - HS thảo luận nhóm đôi, làm việc trên phiếu học tập.  - Các nhóm thảo luận, trao đổi và trình bày:   |  |  | | --- | --- | | trên - dưới | ngược – xuôi | | xa - gần | trước - sau | | trong – ngoài | lên - xuống |   - HS nêu miệng |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………**

Tiếng việt

**Ôn tập câu hỏi: Bằng gì? Để làm gì?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

- Củng cố cách đặt và trả lời câu hỏi *Bằng gì? Để làm gì?*

- Rèn kĩ năng tìm được bộ phận trả lời câu hỏi *Bằng gì?*. Trả lời đúng các câu hỏi *Để làm gì?*

- HS viết được một đoạn văn ngắn có sử dụng câu kiểu *Để làm gì?*

**2. Phẩm chất**

- HS yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bài giảng powerpoint

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ1. Khởi động**  - Cho lớp hát và vận động theo bài hát  - GV nhận xét, giới thiệu bài  - Đặt câu có bộ phận trả lời cho câu hỏi *Bằng gì?*  - Đặt câu có bộ phận trả lời cho câu hỏi *Để làm gì?*  - GV nhận xét.  **HĐ2. Luyện tập, thực hành**  Bài 1: Gạch chân dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Bằng gì?* trong các câu sau :  a. Gia đình Lan đi du lịch bằng xe ô tô.  b. Toàn thân cá mập xám được bao phủ bằng một lớp vẩy nhỏ màu trắng bạc.  c. Am-xtơ-rông đã đoạt giải vô địch vòng đua nước Pháp bằng niềm say mê nghề nghiệp và nghị lực phi thường.  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài.  - Gọi HS nêu yêu cầu.  - Để tìm đúng bộ phận trả lời cho câu hỏi *“Bằng gì?”,* em phải làm gì ?  - Gọi 1 HS đặt câu hỏi cho phần a.  - Vậy ta gạch chân dưới bộ phận nào ?  - Yêu cầu HS làm bài trên phiếu học tập phần b, c.  - Gọi HS lên bảng chữa bài.  - GV chốt kết quả đúng:  *\** ***Chốt****: Củng cố cách tìm bộ phận trả lời cho câu hỏi “Bằng gì?” ta phải đặt câu hỏi với cụm từ “Bằng gì?”.*  **Bài 2:** Tìm bộ phân trả lời cho câu hỏi: *Để làm gì?*  a.Con phải đến nhà bác thợ rèn để xem lại bộ móng.  b. Bạn Lan trông em để cho mẹ làm việc.  c.Ngày mai muông thú trong rừng mở hội thi chạy để chọn ra con vật chạy nhanh nhất.  - Gọi HS nêu yc  - YC HS làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài  - Gọi HS nêu kết quả  -**Chốt:** Câu hỏi *Để làm gì?* hỏi về mục đích của một sự việc  **Bài 3:**Viết 1-2 câu kể về một buổi tối của gia đình em có sử dụng kiểu câu Để làm gì?.  - Gọi HS đọc yc  - Bài yêu cầu làm gì?  - YC HS làm bài  *-* Yêu cầu HS trình bày  *\*Chốt: Khi viết câu văn cần đảm bảo trọn vẹn nội dung. Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm.*  **3. Vận dụng**  - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HĐCL: HS hát và vận động theo bài hát  - HS ghi tên bài  - HĐ nhóm đôi đặt câu hỏi.  - 1 HS đọc.  - 1 HS nêu.  - Đặt câu hỏi với cụm từ *Bằng gì ?*  Gia đình Lan đi du lịch bằng gì ?  a. Gia đình Lan đi du lịch bằng xe ô tô.  - Làm bài vào phiếu học tập,  - HS lên bảng chữa bài.  - HS nêu y/c.  - HĐ cá nhân: Làm bài.  - 1HS lên bảng làm bài, HS khác đối chiếu, nhận xét  a. Con phải đến bác thợ rèn **để xem lại bộ móng.**  b. Bạn Lan trông em **để cho mẹ làm việc.**  c. Ngày mai, muông thú trong rừng mở hội thi chạy **để chọn con vật nhanh nhất.**  - 1 HS đọc yc bài  - Viết 3-5 câu kể về một buổi tối của gia đình em có sử dụng kiểu câu để làm gì?.  - HĐCN: HS làm bài  + Sau khi ăn cơm tối xong em quét nhà giúp mẹ để nhà luôn sạch sẽ, thoáng mát.  + Em trông em cho mẹ làm việc  +......................................  - HS trình bày  - Nhận xét  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………**